

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội - Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION; Tên viết tắt: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông	Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông	Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông	Phan Phạm Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông	Lê Quốc Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông	Nguyễn Thành Nam	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/04/2020)
Ông	Lê Quốc Hưng	Quyền Tổng Giám đốc (Từ 20/04/2020 đến 22/02/2021)
		Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2021)
Ông	Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán

Ban kiểm soát

Ông	Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông	Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 01/04/2020)
Bà	Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà	Lê Thị Minh Huyền	Ủy viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 23/02/2021, ông Lê Quốc Hưng - Quyền Tổng Giám đốc được bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP theo Quyết định số 136/QĐ-MIE-HDQT ngày 23/02/2021 về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Số: 82/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Kính gửi:**Quý Cổ đông,****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- (1) Như đã trình bày tại Mục 5.10, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính; Báo cáo tài chính năm 2020 của hai công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật tồn tại một số nội dung trong đó phần lớn là các khoản công nợ phải thu tồn đọng, đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo Công văn 2230/BCT- CNNg ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Bộ Công thương về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các đơn vị đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất khoản đầu tư vào hai công ty con này.
- (2) Do chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong vụ án đang được điều tra xảy ra tại Xí nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (công ty con) nên chưa có cơ sở ước tính giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào công ty con này (chi tiết được trình bày tại Mục 5.10, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Mục b, 5.21, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính; Vốn Điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2020, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ đăng ký là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ đăng ký theo quy định. Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Nguyễn Tài Dũng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Trung Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		685.903.722.797	383.567.617.472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.690.796.551	24.446.093.103
1. Tiền	111		34.690.796.551	21.446.093.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	18.000.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		477.836.599.269	247.224.029.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	429.848.324.982	210.048.437.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.980.605.543	23.838.697.113
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.841.257.445	17.170.483.682
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(4.639.088.701)	(4.639.088.701)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	139.177.613.011	56.280.630.691
1. Hàng tồn kho	141		139.177.613.011	56.280.630.691
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.198.713.966	10.616.863.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	95.730.107	3.577.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.960.867.854	10.483.861.269
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	142.116.005	129.424.843
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		1.236.893.231.924	1.240.511.396.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.500.000	37.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	37.500.000	37.500.000
II. Tài sản cố định	220		33.986.582.098	36.369.914.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	33.970.130.502	36.333.463.358
- Nguyên giá	222		49.098.787.791	49.054.324.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.128.657.289)	(12.720.861.433)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	16.451.596	36.451.600
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.548.404)	(63.548.400)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	21.859.148.622	22.444.242.186
- Nguyên giá	231		23.403.742.571	23.403.742.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.544.593.949)	(959.500.385)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.180.460.941.347	1.180.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		17.718.555.006	17.718.555.006
VI. Tài sản dài hạn khác	260		549.059.857	1.198.797.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	549.059.857	1.198.797.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.922.796.954.721	1.624.079.013.740

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		503.599.448.357	205.230.934.557
I. Nợ ngắn hạn	310		503.599.448.357	205.230.934.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	163.652.294.247	95.125.427.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.093.275.783	62.576.006.595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.503.596.370	1.585.039.438
4. Phải trả người lao động	314		2.238.896.649	1.873.055.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.394.614.881	6.162.531.596
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	778.681.818	770.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.438.230.153	21.984.246.281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	240.459.724.630	11.412.053.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.207.352.488	721.251.110
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.832.781.338	3.020.823.592
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.419.197.506.364	1.418.848.079.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.419.197.506.364	1.418.848.079.183
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		563.018.363	213.591.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		213.591.182	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		349.427.181	213.591.182
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		✓ 1.922.796.954.721	1.624.079.013.740

Hà nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức



Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	✓ 825.200.364.210	428.423.040.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		✓ 825.200.364.210	428.423.040.742
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	✓ 783.227.383.103	405.625.423.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		✓ 41.972.981.107	22.797.616.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	✓ 1.925.323.065	5.189.418.671
7. Chi phí tài chính	22	6.3	✓ 8.069.882.865	627.491.505
Trong đó: Chi phí lãi vay			✓ 7.098.393.440	328.935.602
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	✓ 31.019.777.283	24.536.261.579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		✓ 4.808.644.024	2.823.282.484
11. Thu nhập khác	31	6.6	✓ 186.424.655	571.314.321
12. Chi phí khác	32	6.7	✓ 351.817.170	190.452.211
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		✓ (165.392.515)	380.862.110
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		✓ 4.643.251.509	3.204.144.594
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	✓ 923.875.160	615.572.416
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		✓ 3.719.376.349	2.588.572.178

Hà nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc


 Phạm Minh Đức


 Trần Thị Thu Trang




 Lê Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		4.643.251.509	3.204.144.594
2. Điều chỉnh cho các khoản		9.924.731.255	(1.555.704.618)
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	3.012.889.424	2.971.291.629
- Các khoản dự phòng	03	1.486.101.378	221.251.110
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(385.327.043)	306.315.998
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.344.305.314)	(5.519.676.063)
- Chi phí lãi vay	06	7.098.393.440	431.700.207
- Các khoản điều chỉnh khác		56.979.370	33.412.501
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.567.982.764	1.648.439.976
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(235.427.922.881)	25.067.963.681
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(82.896.982.320)	(32.208.385.393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay thuế thu nhập phải nộp)	11	62.157.010.248	24.952.200.357
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	557.585.698	(352.814.539)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.558.524.405)	(308.327.712)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(886.954.283)	(421.218.817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	748.078.431	3.104.966.908
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.373.948.223)	(4.821.284.946)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(250.113.674.971)	16.661.539.515
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(44.463.000)	(2.016.850.708)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	252.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(68.998.145.788)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.000.000.000	58.621.907.214
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.344.305.314	4.252.956.577
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.299.842.314	(7.888.132.705)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	749.191.863.812	35.577.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(520.144.192.182)	(47.311.890.394)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	229.047.671.630	(11.734.890.394)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50	10.233.838.973	(2.961.483.584)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.446.093.103	27.377.743.587
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	10.864.475	29.833.100
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	34.690.796.551	24.446.093.103

Hà nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc


Phạm Minh Đức


Trần Thị Thu Trang



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 02 năm 2021 Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION; Tên viết tắt là: MIE

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng) chia làm 141.991.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Dựa trên số lượng cổ phần đang nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại 31/12/2020 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	99,5726%
Cán bộ CNV	537.820	0,3788%
Nhà đầu tư khác	69.000	0,0486%
- Tổ chức	20.000	0,0141%
- Cá nhân	49.000	0,0345%
Cộng	141.991.500	100,00%

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
II. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
III. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)**

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bất động sản đầu tư	Số năm
Nhà	40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả là chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)**

- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính riêng nói chung.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	930.801.775	4.082.935.132
Tiền gửi ngân hàng	33.759.994.776	17.363.157.971
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Tổng cộng	✓ 34.690.796.551	✓ 24.446.093.103

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	18.000.000.000	18.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 đến 12 tháng)</i>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	17.000.000.000	17.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng	✓ 18.000.000.000	✓ 18.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	429.848.324.982	4.639.088.701	210.048.437.587	4.639.088.701
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>42.566.713.697</i>	-	<i>13.190.638.832</i>	-
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	42.566.713.697	-	13.190.638.832	-
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>387.281.611.285</i>	<i>4.639.088.701</i>	<i>196.857.798.755</i>	<i>4.639.088.701</i>
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.491.536.950	-	9.491.536.950	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.754.923.370	-	42.954.923.370	-
Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	10.929.653.515	-
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	26.156.548.333	-	33.156.548.333	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.342.718.153	2.342.718.153	2.342.718.153	2.342.718.153
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	8.602.223.514	-	11.952.117.110	-
Công ty CP Quốc tế Minh Hải	5.442.904.500	-	9.864.340.310	-
Danieli & C.Officine Meccaniche SpA	9.334.480.483	-	10.790.413.970	-
Danieli Co., Ltd	66.590.941	-	5.067.121.710	-
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	222.253.121.905	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	9.540.182.632	-	768.545.172	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	-	-	14.267.811.322	-
Đối tượng khác	49.000.009.956	-	42.975.698.292	-
Tổng cộng	✓ 429.848.324.982	4.639.088.701	210.048.437.587	4.639.088.701

5.4 Phải thu nội bộ

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	805.500.000	-	805.500.000	-
Công ty CP Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	-	637.500.000	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000	-	168.000.000	-
Tổng cộng	✓ 805.500.000	-	805.500.000	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	16.841.257.445	-	17.170.483.682	-
Chi phí cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
Phải thu bên liên quan	44.080.646	-	44.080.646	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	37.161.309	-	37.161.309	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337	-	6.919.337	-
Phải thu về BHXH, BHYT	162.496.453	-	162.496.453	-
Tạm ứng	11.778.863.524	-	10.774.804.742	-
Đối tượng khác	1.431.976.914	-	2.765.261.933	-
Dài hạn	37.500.000	-	37.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	37.500.000	-	37.500.000	-
Tổng cộng	✓ 16.878.757.445	-	✓ 17.207.983.682	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.735.286	-	190.377.012	-
CPSX kinh doanh dở dang	125.340.233.674	-	30.318.025.159	-
Hàng hóa	13.817.644.051	-	25.772.228.520	-
Tổng cộng	✓ 139.177.613.011	-	✓ 56.280.630.691	-

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	277.163.728	49.054.324.791
Tăng trong năm	-	-	-	44.463.000	44.463.000
Mua trong năm	-	-	-	44.463.000	44.463.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	321.626.728	49.098.787.791
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	10.776.841.461	208.598.156	1.544.251.676	191.170.140	12.720.861.433
Tăng trong năm	1.654.585.572	31.293.660	674.843.496	47.073.128	2.407.795.856
Khấu hao trong năm	1.654.585.572	31.293.660	674.843.496	47.073.128	2.407.795.856
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	12.431.427.033	239.891.816	2.219.095.172	238.243.268	15.128.657.289
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	31.195.752.702	74.176.344	4.977.540.724	85.993.588	36.333.463.358
Tại ngày 31/12/2020	29.541.167.130	42.882.684	4.302.697.228	83.383.460	33.970.130.502 ✓

- Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 441.091.452 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 410.670.452 VND).

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

- Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng theo món số 01/2020/31009/HĐTD ngày 29/04/2020 với Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000	100.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	63.548.400	63.548.400
Tăng trong năm	20.000.004	20.000.004
Khấu hao trong năm	20.000.004	20.000.004
Giảm trong năm		
Tại ngày 31/12/2020	83.548.404	83.548.404
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	36.451.600	36.451.600
Tại ngày 31/12/2020	16.451.596 ✓	16.451.596 ✓

5.9 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	23.403.742.571	23.403.742.571
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2020	23.403.742.571	23.403.742.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	959.500.385	959.500.385
Tăng trong năm	585.093.564	585.093.564
Khấu hao trong năm	585.093.564	585.093.564
Giảm trong năm		
Tại ngày 31/12/2020	1.544.593.949	1.544.593.949
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	22.444.242.186	22.444.242.186
Tại ngày 31/12/2020	✓ 21.859.148.622 ✓	21.859.148.622

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2020			01/01/2020		
			VND			VND		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			✓ 1.160.969.434.283		-	1.160.969.434.283		-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội {1}	100%	100%	644.670.174.361	(*)	-	644.670.174.361	(*)	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung {2}	100%	100%	163.327.600.924	(*)	-	163.327.600.924	(*)	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí {3}	100%	100%	186.946.683.204	(*)	-	186.946.683.204	(*)	-
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật {4}	100%	100%	35.893.995.830	(*)	-	35.893.995.830	(*)	-
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải {5}	98,189%	98,189%	126.294.786.164	(*)	-	126.294.786.164	(*)	-
Công ty CP Dụng cụ số 1 {6}	51%	51%	3.836.193.800	(*)	-	3.836.193.800	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			✓ 1.772.952.058			1.772.952.058		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội {7}	20%	20%	1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			✓ 17.718.555.006			17.718.555.006		
Công ty CP Đá Mài Hải Dương {08}	2,22%	2,22%	3.381.542.806	(*)	-	3.381.542.806	(*)	-
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng {09}	10%	10%	1.432.012.200	(*)	-	1.432.012.200	(*)	-
Công ty CP Xi măng Đồng Bành {10}	10,37%	10,37%	12.905.000.000	(*)	-	12.905.000.000	(*)	-
- Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP {10a}			-	(*)	-	-	(*)	-
- Vốn góp của các cổ đông khác {10b}			12.905.000.000	(*)	-	12.905.000.000	(*)	-
Tổng cộng			1.180.460.941.347		-	1.180.460.941.347		-

Ghi chú: Tỷ lệ Vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31/12/2020 không biến động so với ngày 01/01/2020.

- {1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.
- {2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đang tồn tại vấn đề chưa được xử lý có liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp – đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và ảnh hưởng đến số liệu tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Một số công nợ, giao dịch của Xí nghiệp liên quan đến vụ án trên, cụ thể:

+ Các khoản nợ phải thu bao gồm: Các khoản công nợ phải thu khách hàng của Xí nghiệp với tổng số tiền là 30.823.959.293 VND trong đó phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội số tiền 27.264.461.695 VND, phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền 3.230.706.858 VND; Công nợ phải thu khác đối tượng Ông Nguyễn Duy Xuyên với số tiền 48.134.425.710 VND.

+ Các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 VND, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 VND do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 VND do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 VND, cá nhân Bà Trần Thị Thuộc số tiền 77.820.037 VND và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsui Vina số tiền 1.331.179.529 VND.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/07/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/09/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14, 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29,30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 VND và ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 VND. Trong đó Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 VND.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/02/2020 gửi tòa án nhân dân TP Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu và phải trả nói trên.

- {3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty bao gồm khoản ứng trước cho người bán với số tiền là 20.549.503.289 VND nhưng hợp đồng của các khoản ứng trước này đã bị hủy và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 VND đều tồn tại trước thời điểm 30/09/2014 nhưng chưa được xử lý. Công ty đang chờ kết quả phê duyệt cổ phần hóa từ cấp có thẩm quyền và chưa lập dự phòng đối với các nội dung này.
- {4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là Công ty Techno Import) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.166.180.990 VND và tiền thuê đất, tiền chậm nộp (phát sinh trước thời điểm 20/01/2017 đến nay) đang được treo trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn mà chưa hạch toán vào chi phí trong các kỳ tương ứng với số tiền là 12.033.482.962 VND.

Ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/08/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, việc thoái vốn tại Công ty TechnoImport của Tổng Công ty vẫn đang tiến hành.

- {5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- {6} Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 VND,

chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 4.099.574.020 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 VND.

- {7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.
- {8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND.
- {9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.
- {10} Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND.

(10a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

(10b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Ghi chú:

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	95.730.107	3.577.885
Chi phí công cụ, dụng cụ	95.730.107	3.577.885
Dài hạn	549.059.857	1.198.797.777
Chi phí công cụ, dụng cụ	444.346.519	672.349.273
Chi phí khác	104.713.338	526.448.504
Tổng cộng	644.789.964	1.202.375.662

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngắn hạn	163.652.294.247	163.652.294.247	95.125.427.217	95.125.427.217
Bên liên quan	58.186.473.698	58.186.473.698	31.414.985.707	31.414.985.707
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	58.144.814.608	58.144.814.608	21.791.941.171	21.791.941.171
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	-	-	9.581.385.446	9.581.385.446
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	41.659.090	41.659.090	41.659.090	41.659.090
Các đối tượng khác	105.465.820.549	105.465.820.549	63.710.441.510	63.710.441.510
Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	9.702.272.149	9.702.272.149
Guilin Guiye Industrial	10.114.061.323	10.114.061.323	10.131.506.879	10.131.506.879
TVM Trading Company Limited	4.319.327.658	4.319.327.658	5.908.671.296	5.908.671.296
Công Ty CP Licogi13 - Cơ Giới Hạ Tầng	10.567.821.684	10.567.821.684	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	10.328.546.975	10.328.546.975	-	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ tổng hợp GES	5.020.771.669	5.020.771.669	9.550.771.669	9.550.771.669
LINYI HUIHANG MACHINERY CO.,LTD	1.968.327.777	1.968.327.777	1.971.722.909	1.971.722.909
Công ty Cổ phần Trường Nhật	22.121.521.221	22.121.521.221	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng MICO	3.429.600.000	3.429.600.000	3.529.600.000	3.529.600.000
Công ty TNHH Cơ điện Đức Dũng	4.411.236.992	4.411.236.992	-	-
Công ty CP Cơ điện Miền Trung	1.920.047.595	1.920.047.595	-	-
Đối tượng khác	31.264.557.655	31.264.557.655	22.915.896.608	22.915.896.608
Tổng cộng	163.652.294.247	163.652.294.247	95.125.427.217	95.125.427.217

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải thu – phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.920.722	1.269.297.069	40.873.891.184	40.873.891.184	10.920.722	1.269.297.069
Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	10.920.722	1.269.297.069	772.171.712	772.171.712	10.920.722	1.269.297.069
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	40.101.719.472	40.101.719.472	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	44.408.027	44.408.027	-	-
Thuế TNDN	-	180.809.582	923.875.160	886.954.283	-	217.730.459
Thuế TNCN	-	131.832.787	598.019.263	719.239.433	1.856.225	12.468.842
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	473.259.458	473.259.458	-	-
Các loại thuế khác	25.088.000	3.100.000	1.672.751.686	1.682.586.623	35.922.937	4.100.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121	-	600.000	600.000	93.416.121	-
Tổng cộng	✓ 129.424.843	✓ 1.585.039.438	44.586.804.778	44.680.939.008	✓ 142.116.005	✓ 1.503.596.370

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	5.394.614.881	6.162.531.596
Lãi vay phải trả	5.394.614.881	4.854.745.846
Khác	-	1.307.785.750
Tổng cộng	✓ 5.394.614.881	✓ 6.162.531.596

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	778.681.818	770.500.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	778.681.818	770.500.000
Tổng cộng	✓ 778.681.818	✓ 770.500.000

5.16 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	22.438.230.153	21.984.246.281
Thu của các cô đồng góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.257.988.040
Kinh phí công đoàn	68.989.908	53.059.612
Bảo hiểm xã hội	1.338.525.881	1.220.553.881
Bảo hiểm y tế	12.285.000	5.265.000
Bảo hiểm thất nghiệp	5.460.000	2.340.000
Nhận ký quỹ, ký cược	11.000.000	71.000.000
Phải trả phải nộp khác	3.838.981.324	3.469.039.748
Tổng cộng	✓ 22.438.230.153	✓ 21.984.246.281

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	236.459.724.630	236.459.724.630	749.191.863.812	520.144.192.182	7.412.053.000	7.412.053.000
- Ngân hàng	236.123.398.630	236.123.398.630	749.190.590.812	520.144.192.182	7.077.000.000	7.077.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển {BIDV} - Thấu chi {1}	-	-	81.593.758.034	88.670.758.034	7.077.000.000	7.077.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển {BIDV} {2}	236.123.398.630	236.123.398.630	667.596.832.778	431.473.434.148	-	-
- Cá nhân	336.326.000	336.326.000	1.273.000	-	335.053.000	335.053.000
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn {3}	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	240.459.724.630	240.459.724.630	749.191.863.812	520.144.192.182	11.412.053.000	11.412.053.000

{1}: Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2020/31009/HĐCHMTC ngày 29/06/2020

- Hạn mức: 10.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức đến 28/06/2021;
- Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số 2412/2018/HĐTG.211.31009/HĐTG.211.2018 ngày 24/12/2018 ngày 24/12/2018, mệnh giá 6.000.000.000 VND, lãi suất 6,8%/năm, kỳ hạn 12 tháng; Hợp đồng tiền gửi số 06/2019/HĐTG.211.31009/HĐTG.211.2019 ngày 07/03/2019, mệnh giá 5.000.000.000 VND, lãi suất 6,8%/năm, kỳ hạn 12 tháng.

{2}: Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2020/31009/HĐTD ngày 29/04/2020

- Hạn mức là 380.000.000.000 đồng;
- Mục đích: thực hiện HĐ số 40/2019/EVNPMB2-EPC-SESAN4;
- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp quyền đòi nợ của Tổng công ty Máy và thiết bị công nghiệp - CTCP phát sinh từ HĐ kinh tế giữa Ban quản lý Dự án Điện 2 và liên doanh nhà thầu Huayua-MIE; Thế chấp tài sản trên đất là Trụ sở tổng công ty tại 7a Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội và các biện pháp đảm bảo khác;
- Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Khoản vay theo Hợp đồng số 03/2020/31009/HĐTD ngày 07/10/2020

- Hạn mức là 560.000.000.000 đồng;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Tài sản đảm bảo: tiền gửi ngân hàng từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

{3}: Khoản vay tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, khoản vay này phát sinh trước năm 2007, lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay 5 năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	1.418.634.488.001	-	1.418.634.488.001
Lãi trong năm trước	-	2.588.572.178	2.588.572.178
Tạm phân phối lợi nhuận	-	(2.374.980.996)	(2.374.980.996)
Số dư ngày 31/12/2019	1.418.634.488.001	213.591.182	1.418.848.079.183
Số dư ngày 01/01/2020	1.418.634.488.001	213.591.182	1.418.848.079.183
Lãi trong năm nay	-	3.719.376.349	3.719.376.349
Tạm phân phối lợi nhuận	-	(3.369.949.168)	(3.369.949.168)
Số dư ngày 31/12/2020	1.418.634.488.001	563.018.363	1.419.197.506.364

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là 1.419.915.000.000 VND lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020 là 1.280.511.999 VND do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c. Các giao dịch về vốn

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	140.593.885.223	205.981.443.269
Doanh thu dự án	684.606.478.987	222.441.597.473
Tổng cộng	825.200.364.210	428.423.040.742

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	117.956.135.912	196.607.507.681
Giá vốn dự án	665.271.247.191	209.017.916.164
Tổng cộng	783.227.383.103	405.625.423.845

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	1.240.536.314	4.783.942.694
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.769.000	399.332.400,00
Chênh lệch tỷ giá	581.017.751	6.143.577
Tổng cộng	1.925.323.065	5.189.418.671

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	7.098.393.440	328.935.602
Chênh lệch tỷ giá	971.489.425	298.555.903
Tổng cộng	8.069.882.865	627.491.505

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.113.714.878	11.629.561.343
Chi phí VLQL, đồ dùng văn phòng	644.662.478	412.166.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.023.961.042	2.988.534.497
Thuế, phí, lệ phí	538.999.497	507.366.531
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.026.703.037	1.277.019.777
Chi phí bằng tiền khác	12.671.736.351	8.221.613.084
Tổng cộng	31.019.777.283	24.536.261.579

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	-	233.636.364
Khác	186.424.655	337.677.957
Tổng cộng	186.424.655	571.314.321

6.7 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạt chậm nộp thuế và các khoản vào NSNN, lãi chậm nộp bảo hiểm, phạt vi phạm hành chính...	312.049.170	190.452.211
Phạt thực hiện hợp đồng	39.768.000	-
Tổng cộng	351.817.170	190.452.211

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.643.251.509	3.204.144.594
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	451.973.370	322.216.927
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	312.052.724	470.748.201
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.783.172.155	3.055.613.320
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	923.875.160	615.572.416

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.630.594.658	14.626.882.360
Chi phí NVL	641.507.982.087	222.963.461.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	723.334.419	283.267.857
Chi phí khấu hao	3.023.961.042	2.988.534.497
Thuế, phí, lệ phí	579.638.197	506.366.531
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.748.725.462	2.347.708.840
Chi phí khác bằng tiền	16.597.177.042	8.221.613.084
Tổng cộng	786.811.412.907	251.437.834.627

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động	
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,189%
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

(Giá mua hàng và giá hàng bán chưa bao gồm VAT)

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng quản trị và người quản lý khác	Tiền lương và thù lao	2.472.426.501	2.222.838.471
Trần Quốc Toàn - Chủ tịch HĐQT		493.040.102	415.982.296
Nguyễn Khắc Hải - Thành viên HĐQT, TGD		115.235.465	407.304.731
Hoàng Minh Việt - Thành viên HĐQT		270.536.393	291.326.001
Cù Ngọc Phương - Thành viên HĐQT		39.000.000	36.000.000
Phan Phạm Hà - Thành viên HĐQT		-	36.000.000
Lê Quốc Hưng - Thành viên HĐQT, TGD		405.090.575	233.608.602
Nguyễn Thành Nam - Thành viên HĐQT		122.660.138	-
Phạm Thành Đông - Phó TGD		279.503.604	218.789.205
Đậu Huy Ngọc Linh - Phó TGD		345.085.203	283.421.601
Trần Thị Thu Trang - Phó TGD kiêm Trưởng ban TCKT		402.275.021	300.406.035
Ban kiểm soát	Tiền lương và thù lao	340.911.994	289.757.358
Đinh Quang Hòa - Trưởng ban kiểm soát		283.016.973	253.757.358
Lê Tuấn Anh - Ủy viên ban kiểm soát		23.190.476	18.000.000
Nguyễn Thị Khánh Ly - Ủy viên ban kiểm soát		21.340.909	18.000.000
Lê Thị Minh Huyền - Ủy viên Ban kiểm soát		13.363.636	-
Công ty con			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	44.247.079.512	27.568.251.679
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	62.951.049.817	44.207.412.092
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	125.160.000	20.796.130.905
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Mua hàng	-	191.128.960
Nhà máy Quy chế Từ Sơn	Mua hàng	2.943.290.763	-

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09-DN

Khoản mục	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	✓ 42.566.713.697	13.190.638.832
2. Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	✓ 37.161.309	37.161.309
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	✓ 6.919.337	6.919.337
3. Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	-	9.581.385.446
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	✓ 58.144.814.608	21.791.941.171
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	✓ 41.659.090	41.659.090

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng